TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 539/2018/HNGĐ-PT
Ngày 29-5-2018
V/v ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt
Ông Nguyễn Khắc Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 15 và 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1346/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1905/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Lê P, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 209/4/2A – 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Phạm Tấn V, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 209/4/2A – 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người kháng cáo: Bị đơn là ông Phạm Tấn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1346/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Trong Đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân quận G ngày 26 tháng 6 năm 2016 và Đơn yêu cầu việc phân chia tài sản chung ngày 16 tháng 12 năm 2016, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà P trình bày:

Bà và ông V kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là Phạm Quốc C, sinh ngày 12/11/2005. Tuy nhiên, cuộc sống chung của bà và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, nên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Hiện tại, cả hai đã sống ly thân. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà yêu cầu được ly hôn với ông V

- *Về con chung:* Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Quốc C, sinh ngày 12/11/2005 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Có 02 căn nhà là căn nhà số 209/4/2A đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04545 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 cho ông V và bà, và căn nhà số 209/4/2B đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 cho ông V và bà.

Bà thống nhất với kết quả của Hội đồng định giá vào ngày 16/6/2017, với giá trị căn nhà số 209/4/2A, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 3.556.151.204 đồng và căn nhà số 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 3.164.957.654 đồng. Tổng giá trị tài sản 02 căn nhà là 6.721.108.858 đồng.

Căn nhà số 209/4/2A và căn nhà số 209/4/2B đã được cấp hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khác nhau, nhưng thực tế khi xây dựng mới năm 2014 hai căn nhà đã được sáp nhập thành một khối có chung hệ thống kết cấu chịu lực, chung cầu thang nên không thể tách rời nhau. Do đó, bà đề nghị được nhận ½ giá trị tài sản chung của 2 vợ chồng, tương đương 3.360.544.429 đồng. Ông V sẽ nhận nhà.

- *Về nợ chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Tấn V trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà P về tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông bà. Nay, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông có ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông đồng ý ly hôn với bà P.

- *Về con chung:* Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Quốc C, sinh ngày 12/11/2005 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung:* Gồm phần giá trị xây dựng của căn nhà số 209/4/2A đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04545 ngày 22/10/2015 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp (không bao gồm đất) và phần giá trị xây dựng của căn nhà số 209/4/2B đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04546 ngày 22/10/2015 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp (không bao gồm đất).

Đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá vào ngày 16/6/2017 với giá trị của căn nhà tại địa chỉ số 209/4/2A, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 3.556.151.204 đồng và căn nhà tại địa chỉ số 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 3.164.957.654 đồng thì ông đồng ý.

Nếu phải chia tài sản chung, ông đề nghị được nhận nhà, chỉ đồng ý chia đôi giá trị xây dựng đối với 02 căn nhà vì căn nhà được xây trong thời kỳ hôn nhân. Cụ thể, giá trị xây dựng của căn nhà số 209/4/2A đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 651.151.204 đồng theo Biên bản định giá ngày 16/6/2017; Giá trị xây dựng của căn nhà số 209/4/2B đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 259.957.654 đồng theo Biên bản định giá ngày 16/6/2017. Tổng cộng giá trị xây dựng của hai căn nhà là 911.108.858 đồng. Ông sẽ thanh toán cho bà P giá trị tương đương ½ giá trị xây dựng của 02 căn nhà là 455.554.429 đồng.

Còn về phần đất do cha mẹ ông tặng cho riêng ông trong thời kỳ hôn nhân với bà P và có hợp đồng tặng cho riêng ông gồm: Hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 16841 ngày 18/6/2009 lập tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 30741 ngày 03/10/2013 lập tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 33660 ngày 30/10/2013 lập tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về nợ chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1346/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Lê P và ông Phạm Tấn V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 112, ngày 15 tháng 07 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quốc C, sinh ngày 12/11/2005 cho bà Vũ Thị Lê P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V cho đến khi bà P có yêu cầu.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Vũ Thị Lê P và ông Phạm Tấn V là nhà và đất tọa lại tại địa chỉ số 209/4/2A đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04545 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 và số 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015. Tổng tài sản trị giá: 6.721.108.858 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỉ, bảy trăm hai mươi mốt triệu, một trăm lẻ tám ngàn, tám trăm năm mươi tám đồng)*.

Ông V sẽ được hưởng 6/10 giá trị tài sản chung tương đương: 4.032.665.315 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm mười lăm đồng*). Bà P sẽ được hưởng 4/10 giá trị tài sản chung tương đương: 2.688.443.543 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng)*.

Ông V được nhận 02 căn nhà số 209/4/2A đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04545 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 và số 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ

Chí Minh cấp ngày 22/10/2015. Ông V có trách nhiệm trả cho bà P giá trị 4/10 tài sản chung của ông V, bà P là 2.688.443.543 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng)*. Thời hạn trả tiền cho bà P trong vòng 90 ngày kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị Lê P như trên thì ông Phạm Tấn V được toàn quyền sở hữu nhà đất tại địa chỉ số 209/4/2A và số 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04545 và CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015; Ông Phạm Tấn V có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04545 và CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 sang tên cho riêng ông Phạm Tấn V đứng tên; Ông Phạm Tấn V phải nộp nghĩa vụ tài chính về thuế trong quá trình sang tên nếu có.

4. Nợ chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, về quyền kháng cáo của các đương sự và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 02/10/2017, bị đơn là ông Phạm Tấn V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị Lê P trình bày:

Bà yêu cầu được y án sơ thẩm về phần tài sản chung của vợ chồng. Khi vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì ông V cho rằng hai căn nhà đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng, đến khi bà nộp đơn xin ly hôn thì ông V cho rằng phần diện tích đất ở của hai căn nhà là tài sản riêng của ông, do cha mẹ ông cho riêng ông, nên bà không chấp nhận với ý kiến của ông V. Bà xác nhận vào năm 2015 sau khi xây dựng lại hai căn nhà thì hai vợ chồng thỏa thuận nhờ dịch vụ làm giấy tờ xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất mang tên bà và ông V. Sau khi hoàn tất thủ tục cấp giấy, ông V là người đi nhận giấy và cất giữ bản chính cho đến nay. Nếu tại phiên tòa phúc thẩm hai bên hòa giải được và ông V giao tiền cho bà làm một lần thì bà đồng ý nhận số tiền ít đi so với bản án sơ thẩm đã tuyên là 1,8 tỷ đồng để bà mua căn nhà nhỏ cho bà và con chung sống với nhau sau khi ly hôn.

Bị đơn là ông Phạm Tấn V trình bày:

Tài sản hai căn nhà số 209/4/2A và 209/4/2B N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là do cha mẹ ruột của ông cho ông vào năm 2013, đến năm 2014 thì vợ chồng ông xin phép xây dựng lại hai căn nhà thành một khối thống nhất, đến năm 2015 thì ông có thuê dịch vụ làm giấy tờ cập nhật thay đổi chủ quyền mang tên ông và vợ ông là bà P. Đơn xin cấp đổi lại chủ quyền không do ông ký tên mà nhờ dịch vụ làm và ký thay. Ông xác nhận bản chính giấy tờ nhà ông là người nhận về sau khi hoàn tất thủ tục cấp đổi và giữ cho đến nay. Ông có biết việc bà P cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cùng ông. Ông cho rằng tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là giá trị phần xây dựng của hai căn nhà do hai vợ chồng ông bỏ ra theo định giá tại cấp sơ thẩm là 911.108.858 đồng, mỗi người hưởng 1/2 giá trị là 455.554.429 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông do ông được cha mẹ cho trong thời kỳ hôn nhân và ông không có văn bản nào thỏa thuận là đồng ý để bà P cùng chung quyền sử dụng phần đất trên với ông. Ông không khiếu nại về việc cấp giấy của cơ quan quản lý nhà nước về việc cập nhật thay đổi chủ quyền kể trên. Ông không đồng ý chia cho bà P. Tại phiên tòa phúc thẩm nếu hòa giải thì ông đồng ý giao cho bà P số tiền 1 tỷ đồng, ông không đồng ý giao 1,8 tỷ đồng như bà P yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng:

Ngày 20/09/2017, Tòa án nhân dân quận G tuyên án. Ngày 03/10/2017, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Phạm Tấn V. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ông V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Năm 2014, ông V và bà P đã phá bỏ hai căn nhà cũ là 209/4/2A và 209/4/2B N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng lại thành một khối chung, sau khi xây dựng xong ông bà thuê dịch vụ làm thủ tục xin cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở mang tên ông V và bà P. Ông V là người trực tiếp nhận bản chính giấy tờ nhà và lưu giữ cho đến nay. Ông V có biết việc bà P cùng đứng tên trên giấy với ông và không có ý kiến về việc này, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 20/09/2017, Tòa sơ thẩm tuyên án. Ngày 03/10/2017, Tòa sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của ông Phạm Tấn V. Đơn kháng cáo của ông V làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại tài sản là hai căn nhà số 209/4/2A và số 209/4/2B đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo ông V, giá trị quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông, giá trị phần xây dựng là tài sản chung của vợ chồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Căn cứ vào chứng cứ điều tra, thu thập và các bên đương sự cung cấp thì nguồn gốc của hai căn nhà tranh chấp như sau:

* Căn nhà số 209/4/2A, đường N, Phường M, quận G ông V được cha mẹ là ông Phạm Tấn H và bà Tuấn Thị Q tặng cho theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở công chứng số 30741 ngày 03/10/2013 tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã xác lập quyền sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH03204 do Ủy ban nhân dân quận G ngày 26/02/2014 mà không có tên bà P. Nhưng sau đó, ông V đã đổi giấy chứng nhận của căn nhà nêu trên theo Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Phạm Tấn V khai lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận: "Xây dựng theo GPXD số 1883/GPXD ngày 07/7/2014 và điều chỉnh giấy phép số: 335/ĐCTK ngày 13/8/2015. Nay đề nghị cấp đổi GCN ghi thêm tên vợ tôi là Vũ Thị Lê P vào GCN vì tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân" thành Giấy chứng nhận mới, trong đó có ghi nhận thêm tên của bà P là chủ sở hữu. Cụ thể là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04545 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 cho ông Phạm Tấn V và bà Vũ Thị Lê P.

* Căn nhà số 209/4/2B, đường N, Phường M, quận G ông V được cha mẹ là ông Phạm Tấn H và bà Tuấn Thị Q tặng cho theo Hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng công chứng số 16841 ngày 18/6/2009 tại Phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông V đã xác lập quyền sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH0256 do Ủy ban nhân dân quận G ngày 08/8/2013 mà không có tên bà P. Nhưng sau đó, ông V đã đổi giấy chứng nhận của căn nhà nêu trên theo Đơn

đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Phạm Tấn V khai lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận: "Xây dựng theo GPXD số 1883/GPXD ngày 07/7/2014 và điều chỉnh giấy phép số: 335/ĐCTK ngày 13/8/2015. Nay đề nghị cấp đổi GCN ghi thêm tên vợ tôi là Vũ Thị Lê P vào GCN vì tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân" thành Giấy chứng nhận mới, trong đó có ghi nhận thêm tên của bà P là chủ sở hữu. Cụ thể là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 cho ông Phạm Tấn V và bà Vũ Thị Lê P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V và bà P cho rằng khi làm thủ tục đề nghị xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hai căn nhà nêu trên vào năm 2015, ông và bà giao cho dịch vụ làm giúp nên ông V không ký tên vào đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận. Ông V cho rằng chữ ký không phải của ông. Tại tòa sơ thẩm ông yêu cầu giám định chữ ký nhưng không được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/01/2018 ông yêu cầu được giám định chữ ký tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/08/2015.

Căn cứ vào kết luận giám định số 1379/C54B ngày 30/03/2018 có nội dung như sau: "… Chữ ký, chữ viết họ tên "Phạm Tấn V" dưới mục "Người viết đơn" trên hai tài liệu cần giám định: "Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" cùng đề ngày 20/08/2015 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Tấn V trên hai tài liệu so sánh …" là không phải do cùng một người ký và viết ra". Kết quả giám định cho thấy trùng khớp với lời trình bày của ông V và bà P.

Ông V cho rằng ông không ký tên vào đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận, cũng không có bất cứ văn bản nào xác nhận ông đưa tài sản được cha mẹ cho trong thời kỳ hôn nhân thành tài sản chung của vợ chồng nên ông không thừa nhận tài sản chung. Theo lời trình bày của bà P sau khi xây dựng hai căn nhà thành một khối vào năm 2015, bà và ông V thỏa thuận xin cấp đổi lại giấy tờ nhà, hai vợ chồng cùng đứng tên sở hữu.

Tại tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông V và bà P xác nhận sau khi hoàn tất thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận, ông V là người trực tiếp nhận giấy. Ông và bà điều có biết việc cập nhật tên bà P vào giấy chứng nhận. Ông V không có ý kiến gì về việc cập nhật tên bà P vào giấy chứng nhận mới. Hiện tại hai giấy chứng nhận bản chính trên ông V là người trực tiếp quản lý từ lúc nhận giấy chứng nhận (năm 2015) cho đến nay.

Như vậy, cho thấy rằng mặc dù ông không ký tên vào đơn xin cấp đổi lại chủ quyền nhà và quyền sử dụng đất của hai căn nhà đang tranh chấp kể trên, không có văn bản nào ông xác nhận đưa tài sản riêng thành tài sản chung của vợ chồng nhưng ông và bà P cùng tiến hành thủ tục cấp đổi lại giấy tờ của hai căn nhà trên, sau khi hoàn tất

thủ tục ông là người trực tiếp nhận giấy và lưu giữ, cũng không có ý kiến phản đối về việc bà P cùng sở hữu với ông trong suốt thời gian ông lưu giữ bản chính giấy tờ nhà, thể hiện ý chí của hai vợ chồng có sự thống nhất về khối tài sản chung trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: "*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản… khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung*". Vì vậy Tòa cấp sơ thẩm xác định hai căn nhà tranh chấp kể trên là tài sản chung của ông V và bà P trong thời kỳ hôn nhân là có cơ sở.

Tòa cấp sơ thẩm phân chia tài sản chung giữa ông V và bà P theo tỉ lệ là 4:6. Bà P nhận 4/10, ông V nhận 6/10 là có căn cứ vào nguồn gốc quyền sử dụng đất ở của hai căn nhà tranh chấp là do cha mẹ ông V cho ông V trong thời kỳ hôn nhân, nên ông V là người có công sức đóng góp nhiều hơn bà P là phù hợp với Điểm b Khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích kể trên, với yêu cầu kháng cáo của ông V tài sản chung là giá trị phần xây dựng hai căn nhà nêu trên chia đôi cho hai vợ chồng, phần giá trị quyền sử dụng đất ở có nguồn gốc do cha mẹ ông cho là tài sản riêng của ông là không có căn cứ, nên hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng nghị, kháng cáo nên hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của Việt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông V là người kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Chi phí giám định: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V nên ông V phải chịu chi phí giám định, ông V đã tạm ứng chi phí số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Phiếu thu số 101 quyển số 03 ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chi phí giám định thực tế là 2.400.000 (hai triệu bốn trăm ngàn) đồng theo Phiếu thu số 265 ngày 04/4/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông V đã được hoàn trả lại số tiền 2.600.000 (hai triệu sáu trăm ngàn) đồng theo Biên bản giao nhận ngày 07/5/2018. Ông V đã nộp đủ chi phí giám định.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 và Khoản 1 Điều

308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngy 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp về Hướng dẫn một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa Án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Tấn V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Lê P và ông Phạm Tấn V thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhận giữa ông V và bà P chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 15 tháng 07 năm 2005 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quốc C, sinh ngày 12/11/2005, giới tính: Nam cho bà Vũ Thị Lê P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V cho đến khi bà P có yêu cầu.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V nếu ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về Trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung:

Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Vũ Thị Lê P và ông Phạm Tấn V là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ:

* Số **209/4/2A** đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số: CS04545 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015.

* Số **209/4/2B**, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015.

Tổng tài sản trị giá: 6.721.108.858 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỉ, bảy trăm hai mươi mốt triệu, một trăm lẻ tám ngàn, tám trăm năm mươi tám đồng)*.

Ông V được hưởng 6/10 giá trị tài sản chung tương đương: 4.032.665.315 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm mười lăm đồng*). Bà P được hưởng 4/10 giá trị tài sản chung tương đương: 2.688.443.543 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng)*.

Ông V được nhận 02 căn nhà: số **209/4/2A** đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04545 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 và số **209/4/2B** đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015.

Ông V có trách nhiệm trả cho bà P giá trị 4/10 tài sản chung của ông V và bà P là 2.688.443.543 *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng)* đồng. Thời hạn trả tiền cho bà P trong vòng 90 ngày kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị Lê P như trên thì ông Phạm Tấn V được toàn quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà đất ở tại địa chỉ số **209/4/2A** và số **209/4/2B**, đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04545 và CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015. Ông Phạm Tấn V có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS04545 và CS04546 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2015 sang tên cho riêng ông Phạm Tấn V đứng tên, ông Phạm Tấn V phải nộp nghĩa vụ tài chính về thuế trong quá trình sang tên nếu có.

4/ Về nợ chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí:

5.1/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Vũ Thị Lê P chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) bà P đã nộp tại biên lai số AA/2016/0016301 ngày 27/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà P đã nộp đủ án phí.

5.2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Tấn V được hưởng 6/10 giá trị tài sản chung tương đương: 4.032.665.315 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm mười lăm đồng). Theo quy định tại Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, ông V phải chịu án phí: 112.032.665 *(Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu không trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)*.

Bà Vũ Thị Lê P được hưởng 4/10 giá trị tài sản chung tương đương: 2.688.443.543 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng)*. Theo quy định Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí: 85.768.871 đồng *(Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi mốt đồng)*. Bà P được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí: 27.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0017664 ngy 13/01/2017 tại Chi cục Thi hành án quận G. Số tiền án phí bà P còn phải nộp là: 58.768.871 *(Bằng chữ: Năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi mốt đồng)*.

5.3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Tấn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông V đã tạm ứng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0027637 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6/ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bà Vũ Thị Lê P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Tấn V không thực hiện việc thanh toán, thì hàng tháng ông V còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND Phường M, quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh